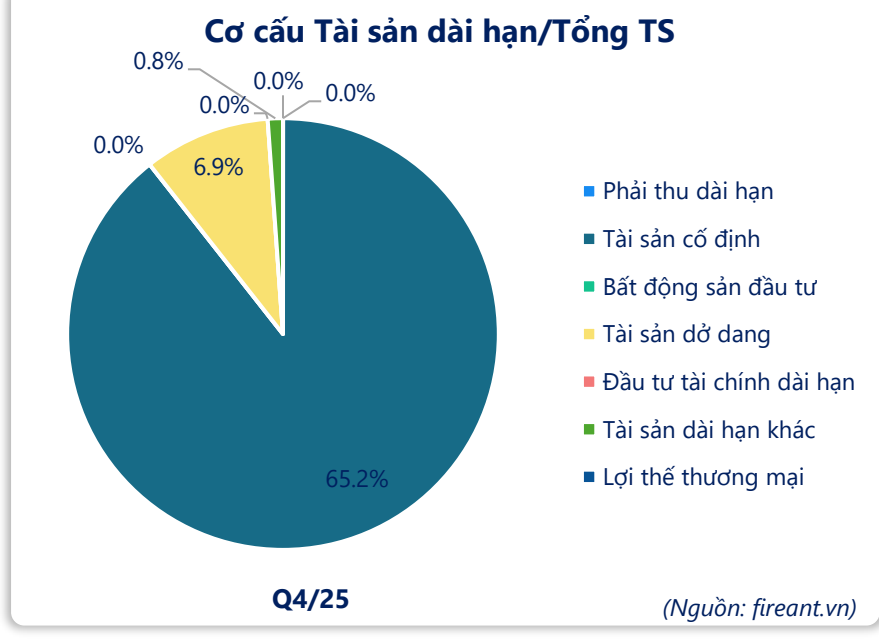
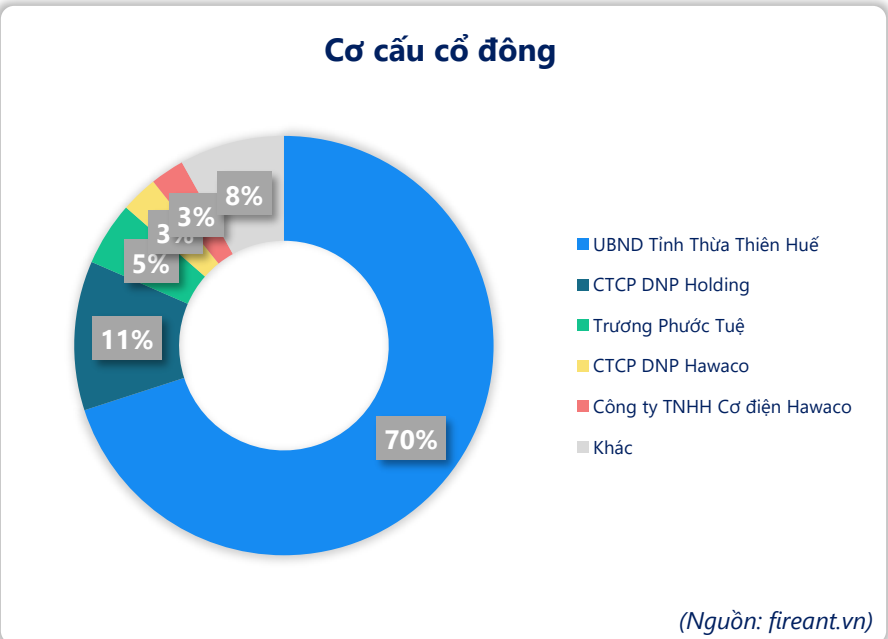
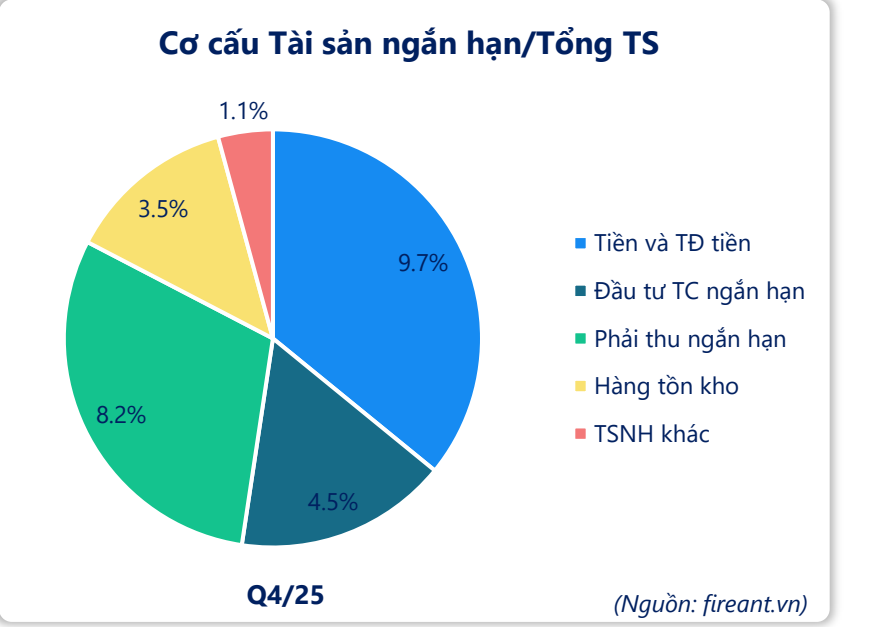
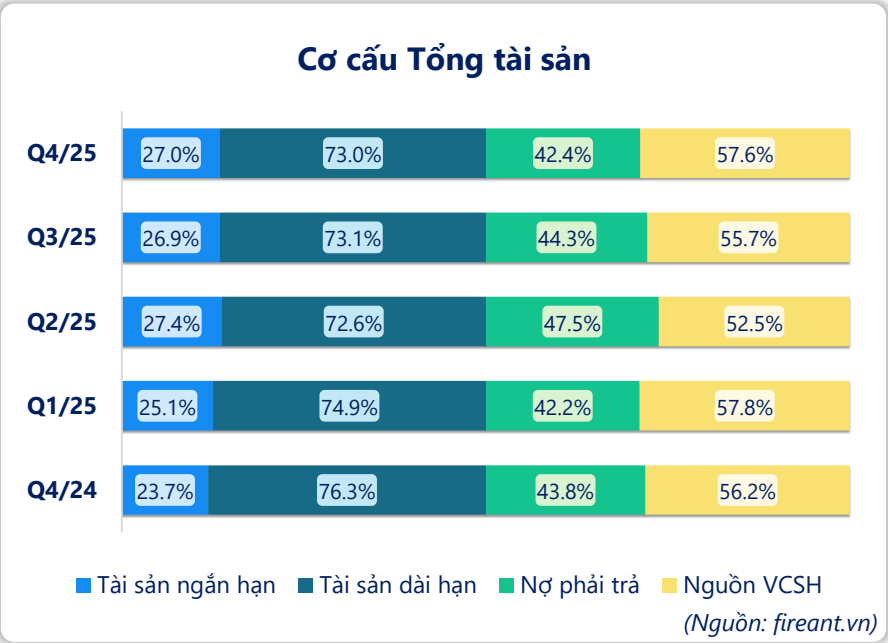
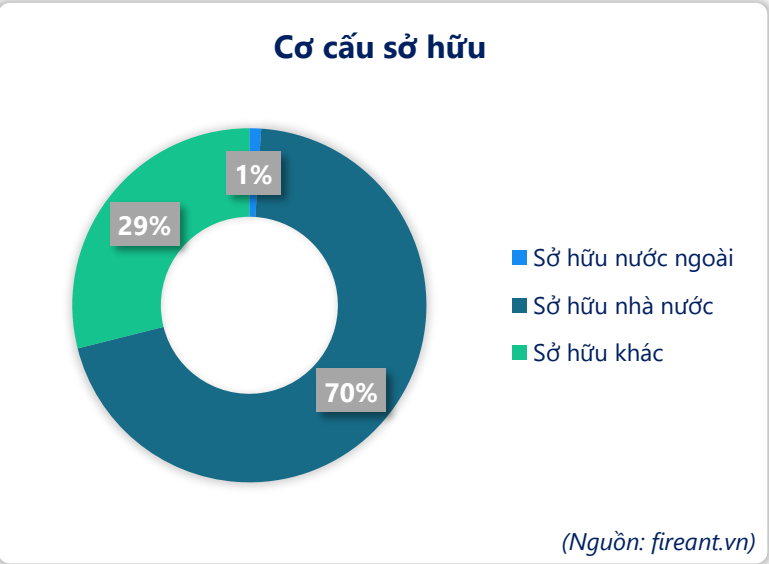
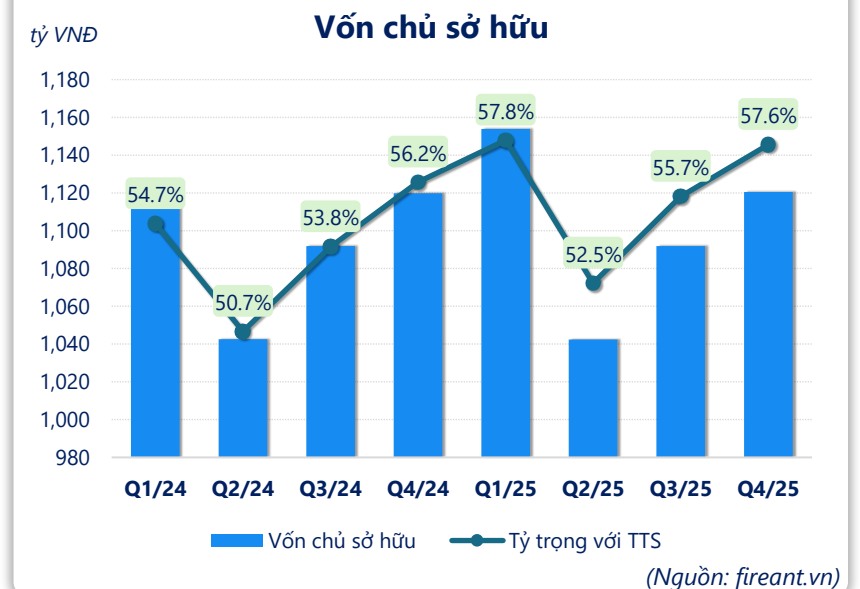
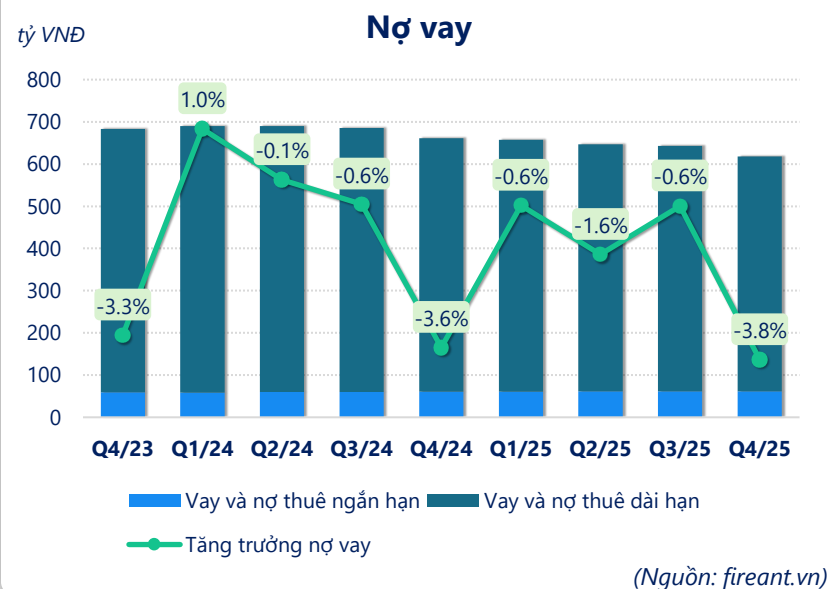
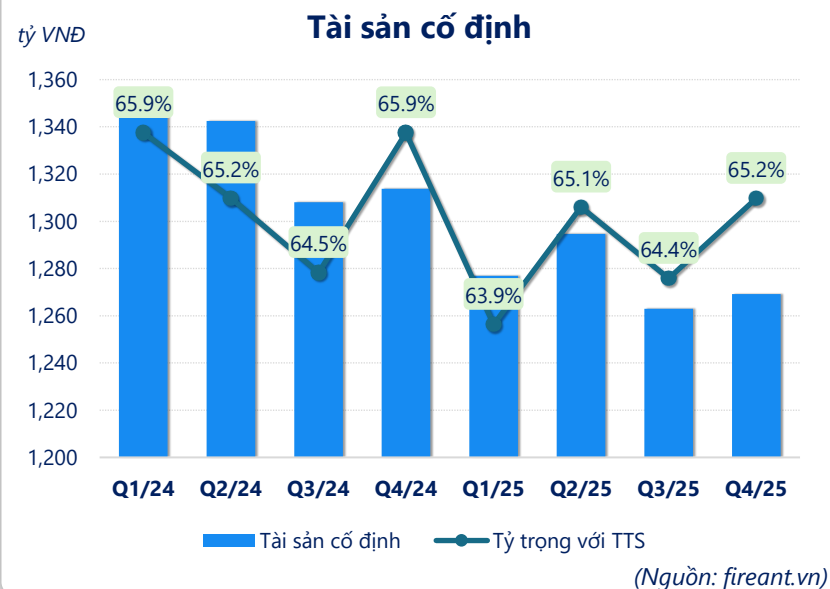
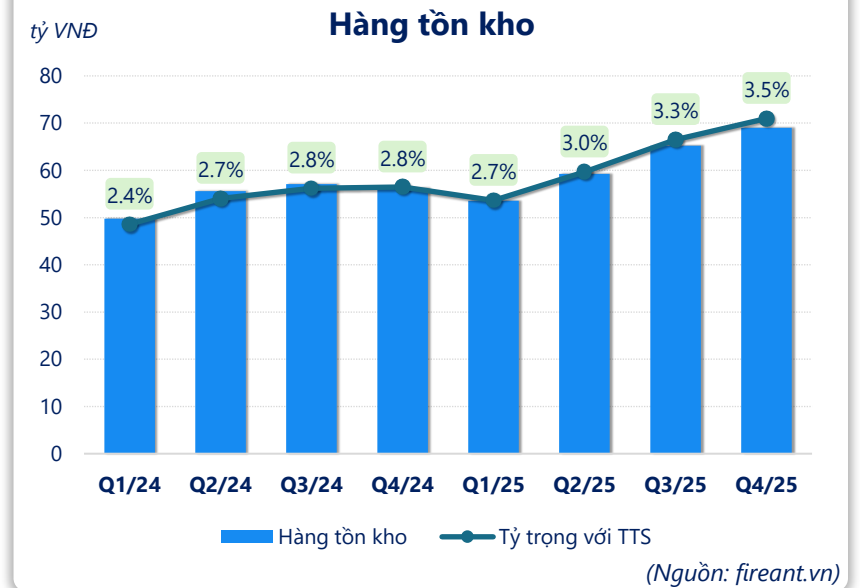
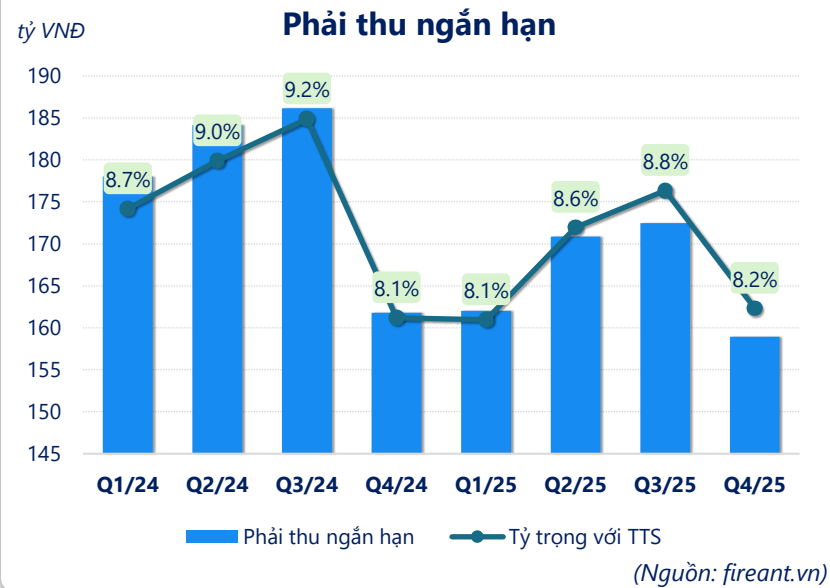
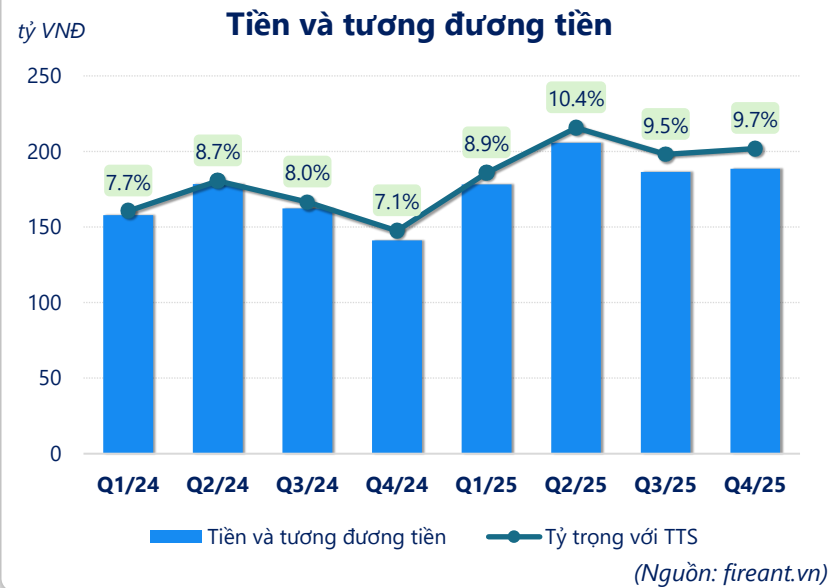
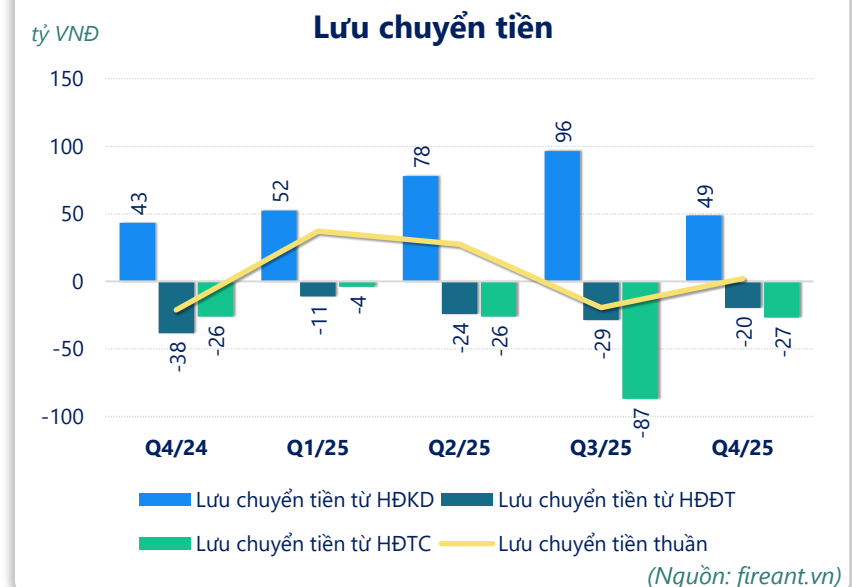
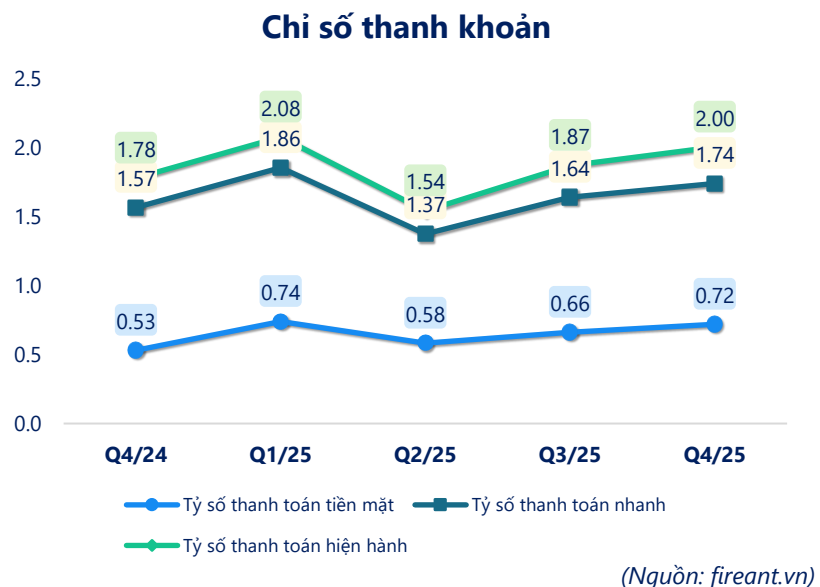
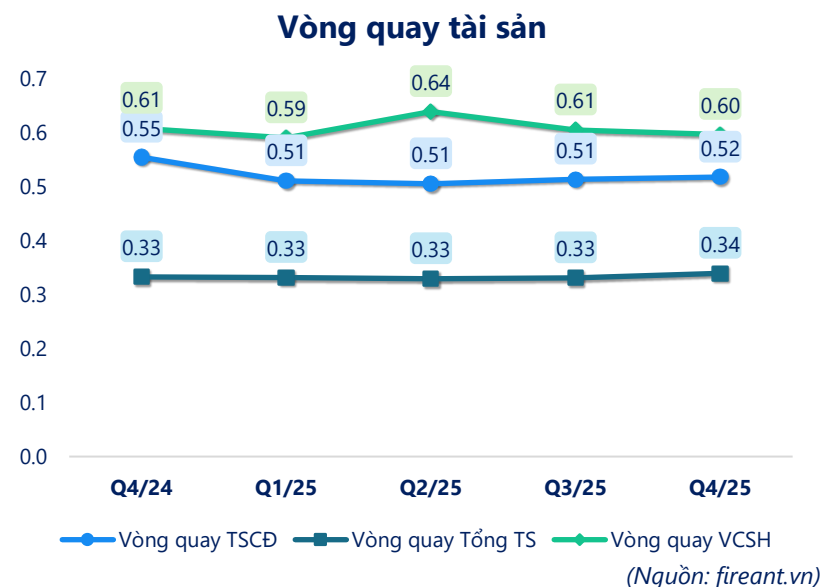
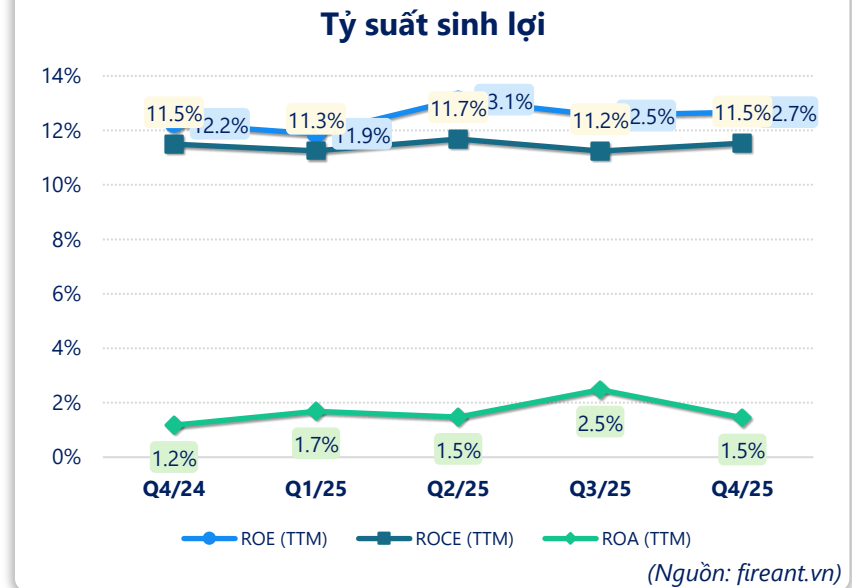
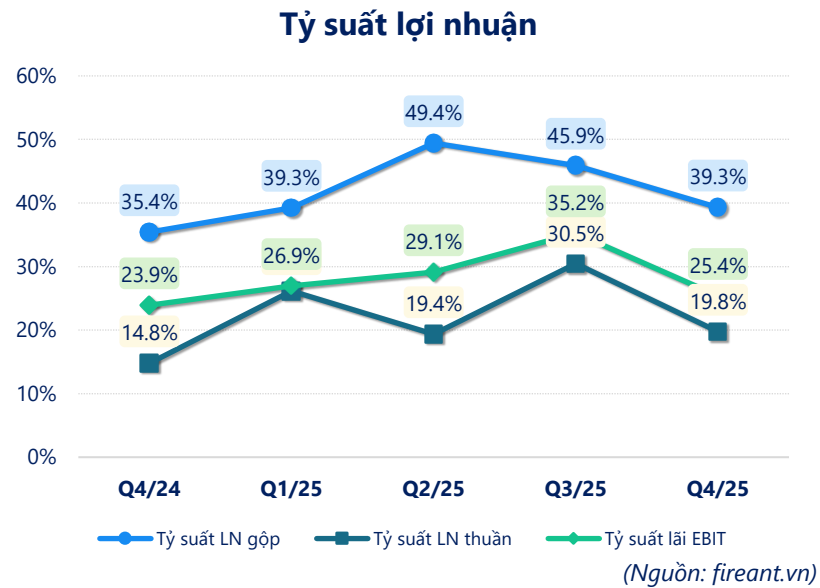
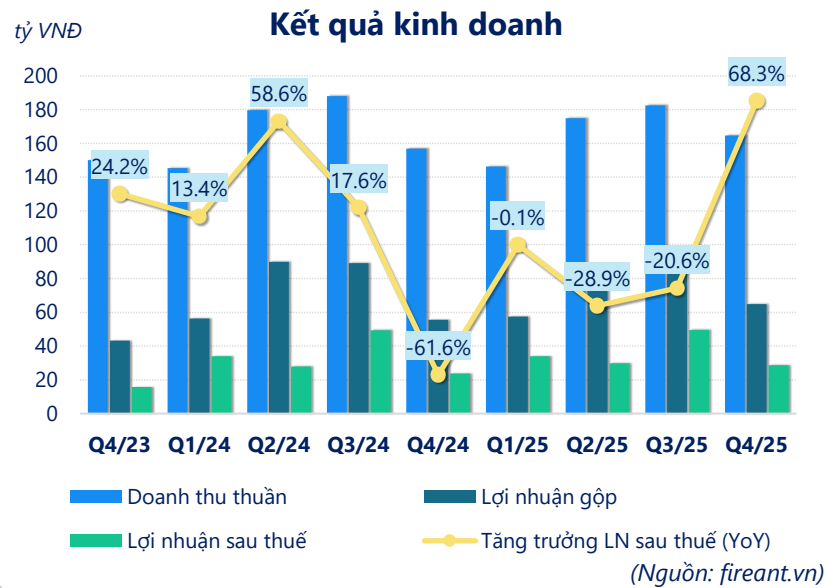


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,032
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,900
SL cổ phiếu LH		87,383,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,180
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,293
P/E		9.1
EPS		1,624

	YTD	1T	3T	6T
HWS	-7.2%	0.7%	2.8%	-3.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,945	1,993	-2.4%
Tài sản ngắn hạn	525	468	12.2%
Tiền và tương đương tiền	189	141	33.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.6	81.2	6.8%
Phải thu ngắn hạn	159	162	-1.8%
Hàng tồn kho	69.0	57.9	19.2%
Tài sản ngắn hạn khác	22.2	26.4	-15.8%
Tài sản dài hạn	1,420	1,524	-6.8%
Phải thu dài hạn	0.17	0.17	0.0%
Tài sản cố định	1,269	1,313	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	134	193	-30.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	16.1	17.2	-6.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	825	873	-5.5%
Nợ ngắn hạn	262	266	-1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.8	60.3	2.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.5	27.5	0.2%
Nợ dài hạn	563	607	-7.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	556	601	-7.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,120	1,120	0.0%
Vốn chủ sở hữu	1,120	1,120	0.0%
Vốn điều lệ	876	876	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	157	146	175	183	165
Giá vốn hàng bán	101	88.8	88.5	98.8	100
Lợi nhuận gộp	55.6	57.4	86.5	83.7	64.8
Doanh thu HĐTC	2.40	0.52	2.43	0.67	2.71
Chi phí TC	13.3	1.21	33.0	8.90	11.8
Chi phí lãi vay	11.6	1.21	17.0	8.90	9.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.68	3.64	6.58	6.66	6.96
Chi phí QLDN	14.8	14.9	15.4	13.3	16.1
LN thuần từ HĐKD	23.2	38.2	33.9	55.6	32.6
Lợi nhuận khác	2.78	-0.04	0.06	-0.15	-0.09
LN trước thuế	26.0	38.2	33.9	55.4	32.5
Lợi nhuận sau thuế	23.7	34.0	29.9	49.4	28.6
LNST của CĐ cty mẹ	23.7	34.0	29.9	49.4	28.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.4	52.3	77.9	96.5	48.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-38.5	-11.1	-24.3	-28.8	-19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.1	-4.00	-26.2	-87.0	-26.8
Tiền đầu kỳ	162	141	178	206	186
Lưu chuyển tiền thuần	-21.1	37.2	27.5	-19.3	2.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	141	178	206	186	189

(Nguồn: fireant.vn)